

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 9 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 118/2017/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

- Ông Vũ Hữu T
- Bà Vũ Thị T

Cùng địa chỉ: Ấp 6A, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

- Ông Nguyễn Thừa X
- Bà Nguyễn Thị T

Cùng địa chỉ: Ấp 5B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của ông Vũ Hữu T, bà Vũ Thị T, ông Nguyễn Thừa X, bà Nguyễn Thị T: Ông Trần Thiết H

Địa chỉ: Khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn:

- Ông Nguyễn Thừa V
- Bà Vũ Thị V

Cùng địa chỉ: Ấp 5B, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của ông V: Bà Vũ Thị V

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Hoàng Việt T

- Bà Đoàn Thị D

Cùng địa chỉ: Khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các đương sự thỏa thuận ông Nguyễn Thừa V, bà Vũ Thị V, ông Nguyễn Thừa X, bà Nguyễn Thị T mỗi người được nhận phần tài sản như sau:

- Ông V được quyền sử dụng thửa đất số 153 với diện tích 1.464,175m², trong đó có 100m² đất thổ cư và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất

- Bà V được quyền sử dụng thửa đất số 154 với diện tích 1.464,175m², trong đó có 100m² đất thổ cư và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất

- Ông X được quyền sử dụng thửa đất số 155 với diện tích 1.464,175m², trong đó có 100m² đất thổ cư và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất

- Bà T được quyền sử dụng thửa đất 156 với diện tích 1.464,175m², trong đó có 100m² đất thổ cư và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với đất

Các thửa đất trên tọa lạc tại ấp 6A, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00112 cấp ngày 09/6/2005 đứng tên hộ bà Vũ Thị V.

Vị trí thửa đất được thể hiện tại trích đo bản đồ địa chính ngày 16/7/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L

Ông Nguyễn Thừa V, bà Vũ Thị V, ông Nguyễn Thừa Xuân, bà Nguyễn Thị Thúy có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00112 cấp ngày 09/6/2005 cho hộ bà Vũ Thị V và thực hiện thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được nhận theo quy định của pháp luật.

2.2. Ông Nguyễn Thừa V, bà Vũ Thị V, ông Nguyễn Thừa X, bà Nguyễn Thị T phải hoàn lại giá trị tài sản trên đất cho ông Vũ Hữu T, bà Vũ Thị T như sau:

- Ông V phải hoàn lại cho ông T, bà T số tiền 16.400.000đ (*mười sáu triệu bốn trăm ngàn đồng*)

- Bà V phải hoàn lại cho ông T, bà T số tiền 10.370.000đ (*mười triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng*)

- Ông X phải hoàn lại cho ông T, bà T số tiền 10.320.000đ (*mười triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng*)

- Bà T phải hoàn lại cho ông T, bà T số tiền 9.790.000đ (*chín triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng*)

3. Về án phí: Các đương sự thỏa thuận ông Vũ Hữu T, bà Vũ Thị T, ông Nguyễn Thừa X, bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí giải quyết vụ án, cụ thể mỗi người chịu 1.833.500đ án phí DSST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai số 0014879 ngày 06/10/2017. Sau khi khấu trừ ông T, bà T, ông X, bà T mỗi người phải nộp thêm 458.500đ

Ông V, bà V không phải chịu án phí DSST.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Khánh Duyên